

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA

Địa chỉ: B15, Đường Công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Cường	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Phúc	Ủy viên
Ông Phùng Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hường	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Cường	Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA



Nguyễn Quốc Cường

Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017

Số: 79 -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14/02/2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Lê Thị Hương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2506-2013-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.847.700.262	99.028.389.090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	14.202.366.746	3.127.854.019
1 Tiền	111		5.202.366.746	3.127.854.019
2 Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.222.354.065	58.781.561.835
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	69.750.934.425	67.267.685.462
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	6.239.965.200	573.084.300
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.902.004.474	3.617.359.564
7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(17.670.550.034)	(12.676.567.491)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	26.944.210.517	33.384.089.926
1 Hàng tồn kho	141		26.944.210.517	33.384.089.926
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.478.768.934	3.734.883.310
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	2.442.601.611	1.841.840.532
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.000.622.133	1.857.497.588
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14	35.545.190	35.545.190
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.936.352.826	52.638.992.291
II. Tài sản cố định	220		54.872.659.416	50.129.094.020
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	54.458.722.080	50.129.094.020
- Nguyên giá	222		188.959.763.901	173.968.816.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.501.041.821)	(123.839.722.315)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.09	413.937.336	-
- Nguyên giá	228		828.621.322	351.001.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(414.683.986)	(351.001.322)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	2.253.186.845	-
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.253.186.845	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.810.506.565	2.509.898.271
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.810.506.565	2.509.898.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		167.784.053.088	151.667.381.381

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		56.287.838.251	51.295.777.223
I. Nợ ngắn hạn	310		43.028.932.887	50.560.515.661
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.417.532.031	22.029.511.699
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	27.426.300	115.392.900
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.354.209.879	1.954.971.819
4 Phải trả người lao động	314		6.726.123.253	6.332.803.303
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.058.370.180	112.500.000
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	335.669.162	1.147.969.694
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	6.212.549.614	18.030.713.068
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.897.052.468	836.653.178
II. Nợ dài hạn	330		13.258.905.364	735.261.562
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	13.258.905.364	735.261.562
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		111.496.214.837	100.371.604.158
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	111.496.214.837	100.371.604.158
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		8.020.118.000	8.020.118.000
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		735.289.565	735.289.565
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		30.741.495.571	22.165.079.267
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.999.311.701	19.451.117.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối năm trước	421a		812.830.732	392.414.429
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		21.186.480.969	19.058.702.897
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	440		167.784.053.088	151.667.381.381

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lợi Lan Vân

Phạm Thị Thu Hằng

Nguyễn Quốc Cường

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	365.242.819.149	345.132.562.060
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		365.242.819.149	345.132.562.060
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	303.993.807.894	293.509.429.738
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.249.011.255	51.623.132.322
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.150.502.690	1.159.108.553
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	1.897.332.332	2.481.766.875
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	*	1.029.936.184	1.239.442.906
8 Chi phí bán hàng	24	VI.7	17.087.258.452	13.121.648.500
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	20.027.901.710	16.726.863.080
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.387.021.451	20.451.962.420
11 Thu nhập khác	31	VI.5	3.301.906.273	4.108.251.039
12 Chi phí khác	32	VI.6	208.686.856	103.976.324
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.093.219.417	4.004.274.715
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		26.480.240.868	24.456.237.135
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.293.759.899	5.397.534.238
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21.186.480.969	19.058.702.897
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu.	70	VI.10	3.813,57	3.430,57

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lại Lan Vân



Phạm Thị Thu Hằng



Nguyễn Quốc Cường

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.480.240.868	24.456.237.135
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		15.154.111.488	13.972.501.981
- Các khoản dự phòng	03		4.993.982.543	3.329.321.696
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		91.548.531	52.278.530
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(120.758.038)	(9.077.208)
- Chi phí lãi vay	06		1.029.936.184	1.239.442.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.629.061.576	43.040.705.040
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.632.491.417)	10.010.970.253
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.439.879.409	(10.770.727.782)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.451.984.416	(13.700.981.797)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(901.369.373)	(659.340.632)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.029.936.184)	(1.239.442.906)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.868.935.164)	(4.645.439.715)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		426.117.149	455.914.660
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.318.307.444)	(743.842.016)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.196.002.968	21.747.815.105
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(22.190.883.141)	(16.188.749.162)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		54.592.099	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		66.165.939	9.077.208
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.070.125.103)	(16.179.671.954)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		204.850.743.752	268.928.289.806
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(203.859.160.960)	(265.326.784.657)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.043.550.350)	(8.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.051.967.558)	(4.898.494.851)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		11.073.910.307	669.648.300
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.127.854.019	2.457.780.575
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		602.420	425.144
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	14.202.366.746	3.127.854.019

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lại Lan Vân



Phạm Thị Thu Hằng



Nguyễn Quốc Cường

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa (gọi tắt là "Công ty") là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100738312 (mã số cũ 063606) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/1994. Công ty có bảy (07) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 12/05/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng).

Hiện tại, cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn Upcom với mã chứng khoán là HNP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa và các chi tiết cấu kiện từ nhựa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Buôn bán vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng, sưởi nóng, sinh hơi nước, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện; Sản xuất thiết bị phân phối nước;
- Sản xuất thiết bị vệ sinh./.

Trụ sở chính:

Địa chỉ: B15, Đường Công nghiệp số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán HNP.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

